TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TH** TỈNH LONG A	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/DS-ST
Ngày: 20/09/2019
Về việc "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TH -TỈNH LONG A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn D

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Hà Minh T

2/ Bà Nguyễn Thị D

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị H L- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Th, tỉnh Long A.

Hôm nay, ngày 20 tháng 09 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Th xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 07 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 08 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/QĐ-STDS ngày 04 tháng 09 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Nguyễn Khỏe, xã Hậu Th T, huyện Tân Th, tỉnh Long A

2. Bị đơn: Ông Lê Ngọc Q, sinh năm 1970 (có mặt).

Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Th, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn Th, sinh năm 1995 Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Th, huyện Tân Th, tỉnh Long A (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 25/06/2019 nguyên đơn người bà Phạm Thị L trình bày: Vào ngày 15/03/2018 (AL) bà Nguyễn Thị Th và ông Lê Ngọc Q có vay của bà L số tiền là 180.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/ 1 tháng, hẹn 1 năm trả vốn lẫn lời, chị Th có đóng lãi được 6 tháng với số tiền là 5.400.000 đồng. Đến ngày 16/04/2019 (AL) ông Q và bà Th có hỏi vay tiếp của

bà L số tiền là 50.000.000 đồng để đáo nợ Ngân hàng, hẹn 4 ngày trả nhưng đến nay vẫn chưa trả. Ngoài ra vào ngày 9/05/2018 ông Q và bà Th còn kêu con của ông Q, bà Th tên Lê Văn Th đến hỏi vay thêm của bà L số tiền là 50.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản là 280.000.000 đồng.

Hiện nay bà Phạm Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Th buộc ông Lê Ngọc Q, bà Nguyễn Thị Th và ông Lê Văn Th liên đới hoàn trả cho bà số tiền là 280.000.000 đồng trả một lần.

Bị đơn ông Lê Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Th trình bày: Vào ngày 15/03/2018 (AL) vợ bà Nguyễn Thị Th và ông Lê Ngọc Q có vay của bà Phạm Thị L số tiền là 180.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/ 1 tháng, hẹn 1 năm trả vốn lẫn lời. Trong thời gian này vợ chồng bà Th, ông Q có trả cho bà L được 6 tháng lãi với số tiền là 5.400.000 đồng. Đến ngày 16/04/2019 (AL) vợ chồng bà Th, ông Q có hỏi vay tiếp của bà L số tiền là 50.000.000 đồng đến nay chưa trả. Ngoài ra vợ chồng bà Th, ông Q có kêu con tên Lê Văn Th đến hỏi vay thêm bà L số tiền là 50.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản là 280.000.000 đồng.

Hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng bà Th, ông Q xin trả dần cho bà L mỗi năm là 2.000.000 đồng cho đến hết nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Th: Tòa án nhân dân huyện Tân Th tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định tại Điều 173, 174 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nhưng ông Lê Văn Th cố tình lánh mặt nên Tòa án nhân dân huyện Tân Th tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

1.1 Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản" giữa bà Phạm Thị L với ông Lê Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Th, ông Lê Văn Th thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Th, tỉnh Long A.

1.2 Tại phiên tòa hôm nay bà Phạm Thị L không thay đổi yêu không rút đơn khởi kiện. Bà L tiếp tục yêu ông Lê Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Th, ông Lê Văn Th liên đới hoàn trả lại cho bà L. Tổng số tiền còn lại lài 280.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Phần lãi ông Q và bà Th trả cho bà L 6 tháng thành tiền là 5.400.000 đồng, ông Q và bà Th không yêu cầu nên không xem xét. Ông Q và bà Th có thay đổi một phần yêu cầu là xin trả mỗi năm 20.000.000 cho đến hết nợ.

[2] *Về nội dung vụ án*:

Vào ngày 15/03/2018 (AL) vợ chồng bà Nguyễn Thị Th và Lê Ngọc Q có vay của bà Phạm Thị L số tiền là 180.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/ 1 tháng, hẹn 1 năm trả vốn lẫn lời. Trong thời gian này ông Q và bà Th có trả cho bà L được 6 tháng lãi với số tiền là 5.400.000 đồng. Đến ngày 16/04/2019 (AL) ông Q và bà Th có hỏi vay tiếp của bà L số tiền là 50.000.000 đồng đến nay chưa trả. Ngoài ra ông Q và bà Th có kêu con của ông, bà tên Lê Văn Th đến bà L hỏi vay thêm số tiền là 50.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản là 280.000.000 đồng

Bà Phạm Thị L có cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện Tân Th: Một biên nhận mượn tiền ngày 16/04/2019 với số tiền là 50.000.000 đồng có chữ ký của ông Q và bà Th ký tên; Một biên nhận vay ngày 15/03/2018 (AL) số tiền là 180.000.000 đồng có chữ ký của chị Th; Một biên nhận vay ngày 9/05/2018 với số tiền là 50.000.000 đồng có chữ ký của anh Lê Văn Th. Hơn nữa, tại bản tự khai ngày 26/07/2019 ông Lê Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Th đã thừa nhận số tiền vay theo ba biên nhận mà bà L cung cấp. Như vậy, có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu cùa bà Phạm Thị L.

Ông Lê Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Th trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến hết nợ, yêu cầu này không được bà L chấp nhận, nên không chấp nhận yêu cầu này của ông Q và bà Th.

Áp dụng Điều 288, 357, 463, 466 khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Phạm Thị L.

Buộc ông Lê Ngọc Q, bà Nguyễn Thị Th và anh Lê Văn Th liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị L số tiền là 280.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi triệu đồng*).Thời gian trả khi bản án có liệu lực.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Lê Ngọc Q, bà Nguyễn Thị Th và anh Lê Văn Th phải chịu 14.000.000 đồng ông Q và bà Thằm có đơn xin miễn giảm ngày 26/07/2019 nên được giảm 50%. Như vậy, ông Q, bà Th, anh Th phải chịu 7.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Bà Phạm Thị L không phải chịu án phí nên được hoàn trả 5.750.000 đồng theo lai thu số 0004974 ngày 10/07/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Th.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 172, 73,174, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015**.**

Áp dụng Điều 288, 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Phạm Thị L.

Buộc ông Lê Ngọc Q, bà Nguyễn Thị Th và anh Lê Văn Th liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị L số tiền là 280.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi triệu đồng*) .Thời gian trả khi bản án có liệu lực.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi 10%/ năm của số tiền còn phải thi hành án tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bác yêu cầu của ông Q và bà Th xin trả dần mỗi năm 2.000.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Lê Ngọc Q, bà Nguyễn Thị Th và anh Lê Văn Th phải chịu 7.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

Bà Phạm Thị L không phải chịu án phí nên được hoàn trả 5.750.000 đồng theo lai thu số 0004974 ngày 10/07/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Th.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Các bên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long A;
- VKSND tỉnh Long A;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Tân Th;
- THADS huyện Tân Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

Bùi Văn D